

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ - VĂN - GIÁO
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 02 - Mar - 1944 QUẢNG TRỊ
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Mar
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 89A ĐÀO DUY TỬ ĐALAT - LÂM ĐỒNG
 (Dia chi tai Viet-Nam) VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Yes No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 4-1975 To (Den): Jan. 1982

PLACE OF RE-EDUCATION: TÂN HIỆP - BIÊN HÒA
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Worker

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): From Mar. 1970 To Jan. 1971
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1LT, Vice Flight Squad Commander
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): No

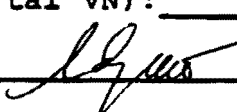
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti.

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 89A ĐÀO DUY TỬ ĐALAT
Lâm - Đồng Việt Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Không): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: LÊ - VĂN - GIÁO 
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay): _____

DATE: 15 Feb. 1990
 Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE - VAN - GIAO
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN - THI - BINH	1954	Wife
LE - NGUYEN - BA - LAM	1985	Son
LE - BA - HUYNH - CHI	1989	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : The Following Copies :

- ID cards
- Married Certificate
- Release Camp Certificate
- Family Certificate
- Birth-day Certificate.
- Amendment To ITO.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ-VĂN-GIÁO
Last (Ten Họ) Middle (Giữa) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 02-Mar-1944 QUẢNG-TRỊ
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Married
(Tình trạng gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 89A ĐÀO DUY TĨ ĐÀLAT - LÂM ĐỒNG
(Dia chi tai Viet-Nam) VIET NAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Yes No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): Apr. 1975 To (Den): Jan. 1982

PLACE OF RE-EDUCATION: TÂN-HIỆP - BIÊN HÒA
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Worker

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): From Mar. 1970 To Jan. 1971
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1LT, Vice Flight Squad Commander
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): NO

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti.

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 89A ĐÀO DUY TĨ ĐÀLAT
LÂM ĐỒNG - VIỆT NAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: LÊ-VĂN-GIÁO [Signature]
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay): _____

DATE: 15 Feb. 1990
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE-VĂN-GIÁO
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN-THỊ-BÌNH	1954	Wife
LE-NGUYỄN BẢO-LÂM	1985	Son
LE-BẢO HUYỀN-CHÍ	1989	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : The Following Copies :

- ID cards
- Married Certificate.
- Release camp Certificate.
- Family certificate.
- Birth day certificate.
- Amendment TO ITO.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Số 1646 CRT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 130 ngày 17 tháng 12 năm 1961

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

LÊ VĂN GIÁC

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1944

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Can tội Trưng úy đại đội phó

Bắt ngày

Án phạt

TTCT

quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại 89A ĐOÀNG TRƯỞNG, TX D. 1, L. 1, L. 1

Nhận xét quá trình cải tạo

Cải tạo hoàn hảo. (05)

Lấn tay ngón trỏ phải

Của

Danh bìn số

Lớp tại

Họ tên, chữ ký, người được cấp giấy

L. Văn Giác

Ngày 16 tháng 12 năm 1961

Giám thị



AKPWO-AGP-S 2nd Ind 18 September 1970
SUBJECT: Amendment to ITO (Vietnam) (Air Force)

AC Kha Kim LAN, 12839VS, Ln 242, ITO 732-70 dtd 2 Feb 70
AC Tran Van LONG, 14129VS, Ln 102, ITO 844-70 dtd 30 Mar 70
AC Pham MAN, 14127VS, Ln 100, ITO 843-70 dtd 30 Mar 70
AC Tran Hong MINH, 14120VS, Ln 93, ITO 842-70 dtd 30 Mar 70
2LT Dang Hoang MINH 13071VS, Ln 55, ITO 793-70 dtd 5 Mar 70
WO Nguyen Hoang MINH, 12457VS, Ln 43, ITO 633-70 dtd 9 Jan 70
AC Thuong Cong MY, 14106, Ln 79, ITO 838-70 dtd 30 Mar 70
WO Nguyen NAM, 12082VS, Ln 263, ITO 522-69 dtd 9 Dec 69
AC Van Nguyen NGHIEP, 14130VS, Ln 103, ITO 844-70 dtd 30 Mar 70
WO Phung Nhu NGOC, 12064VS, Ln 245, ITO 516-69 dtd 9 Dec 69
AC Tran Thanh NHAM, 12627VS, Ln 111, ITO 674-70 dtd 20 Jan 70
AC Lieu PHI, 14116VS, Ln 89, ITO 841-70 dtd 30 Mar 70
WO Dao Cong PHOI, 13029VS, Ln 37, ITO 784-70 dtd 23 Feb 70
AC Lam QUANG, 14108VS, Ln 81, ITO 839-70 dtd 30 Mar 70
2LT Phan Xuan GUY, 12976, Ln 22, ITO 769-70 dtd 17 Feb 70
AC Le Van SAM, 14135VS, Ln 108, ITO 845-70 dtd 30 Mar 70
WO Kieu Tan SANG, 12793VS, Ln 196, ITO 720-70
AC Chau Trung SANH, 14134VS, Ln 107, ITO 845-70 dtd 30 Mar 70
AC Pham Xuan SINH, 14110VS, Ln 83, ITO 839-70 dtd 30 Mar 70
AC Hoang Thach SON, 12643VS, Ln 127, ITO 678-70 dtd 20 Jan 70
AC Phan Huu TAN, 10685VS, Ln 20, ITO 365-69 dtd 28 Oct 69
AC Hoang Ngoc THACH, 14113VS, Ln 86, ITO 840-70 dtd 30 Mar 70
AC Tran Van THANG, 14104VS, Ln 77, ITO 838-70 dtd 30 Mar 70
AC Nguyen Xuan THIEM, 14125VS, Ln 98, ITO 843-70 dtd 30 Mar 70
WO Nguyen Huu THO, 12618VS, Ln 102, ITO 671-70 dtd 20 Jan 70
WO Nguyen Van TOM, 12673VS, Ln 156, ITO 688-70 dtd 21 Jan 70
2LT Tran Thanh TRAI, 12177VS, Ln 193, ITO 552-69 dtd 19 Dec 69
AC Duong Van TROUNG, 141103VS, Ln 76, ITO 837-70 dtd 30 Mar 70
AC Binh TRUNG, 12200VS, Ln 312, ITO 559-69 dtd 22 Dec 69
AC Nguyen Van TY, 14105VS, Ln 78, ITO 838-70 dtd 30 Mar 70
WO Ho Van UT, 12666VS, Ln 150, ITO 685-70 dtd 20 Jan 70
2LT Nguyen Ngoc VINH, 13065VS, Ln 40, ITO 792-70 dtd 5 Mar 70
AC Ha Duc VUONG, 14107VS, Ln 80, ITO 838-70 dtd 30 Mar 70
WO Le Hong XE, 12940VS, Ln 258, ITO 757-70 dtd 16 Feb 70

Copies furnished:

2-DCSOPS, ATTN: OPS-IA-MA, DA, Washington, DC 20310
2-Approp Unified Comd
2-USMACV APO SF 96222
10-Comdt, USAAVNE, Hunter AAF, Savannah, GA 31409
25-Individual
3-MAAG
2-FAO, Ft Wolters, TX
2-ATC, ATTN: ATXMA-O, Randolph AFB, TX 78148
2-HQ ATC, ATTN: FLO-ATXMA-L, Lackland AFB, TX 78236
2-HQ ATC, ATTN: ATAAF-R (Map Funding Reimbursement)
Randolph AFB, TX 78148
3-Commanding General, ATTN: S-1, Hunter AAF, Savannah, GA 31409
3-3rd Army, Ft McPherson, GA 30330
2-Liaison Office, Bldg 405, Ft Wolters, TX
1-Student Personnel Sec File Copy (Mrs Jean Clanton)

AKPWO-AGP-S 2nd Ind

SUBJECT: Amendment to ITO (Vietnam) (Air Force)

HQ USAPHC/S & Ft Wolters, Ft Wolters, TX 76067 18 Sep 70

SEE DISTRIBUTION

1. Having completed Phase I, Rotary Wing Aviator Course 2C-1981B Class 70-48 ending 25 Sep 70, you are authorized and invited to proceed to Hunter Army Air Field, Savannah, GA on 25 Sep 70, reporting not later than 1200 hrs 26 Sep 70. Travel by Commercial Air is directed. Last paid per diem through 24 Sep 70.

2. The accounting classification on basic Invitational Travel Orders is amended to read, effective 1 Jul 70, 5713400 301 6415 134950 407 408 409 454 462 5525003 CIC 44 164 1349 525003.

FOR THE COMMANDER:

Gene A Kinser
GENE A KINSER
CW2, USA
Asst AG

DISTRIBUTION:

AC Dao Ngoc ANH, 141101VS, Ln 74, ITO 837-70 dtd 30 Mar 70
WO Truong Cong BINH, 12348, Ln 31, ITO 604-69 dtd 30 Dec 69
WO Le Ngoc CAM, 12183VS, Ln 295, ITO 554-69 dtd 19 Dec 69
WO Vo Van CO 12468VS, Ln 54, ITO 636-70 dtd 9 Jan 70
AC Nguyen Toan CONG, 14121VS, Ln 94, ITO 842-70 dtd 30 Mar 70
AC Le Viet CU, 12812VS, Ln 215, ITO 725-70 dtd 2 Feb 70
WO Ly Van CU, 12977VS, Ln 23, ITO 769-70 dtd 17 Feb 70
AC Dinh Tien CUONG, 14131VS, Ln 104, ITO 844-70 dtd 30 Mar 70
AC Tran Chinh DAO, 12933VS, Ln 251, ITO 755-70 dtd 16 Feb 70
AC Nguyen Van DUC, 14115VS, Ln 88, ITO 840-70 dtd 30 Mar 70
AC Le Van GIAO, 14126VS, Ln 99, ITO 843-70 dtd 30 Mar 70
AC Lu Van HAI, 13076VS, Ln 60, ITO 794-70 dtd 5 Mar 70
AC Nguyen Huu HIEM, 14117VS, Ln 91, ITO 841-70 dtd 30 Mar 70
WO Nguyen Qui HOA, 12081VS, Ln 262, ITO 521-69 dtd 9 Dec 69
WO Pham Van HOA, 12818VS, Ln 221, ITO 727-70 dtd 2 Feb 70
WO Le HOI, 141102VS, Ln 75, ITO 837-70 dtd 30 Mar 70
AC Le HOI, 12928VS, Ln 246, ITO 753-70 dtd 16 Feb 70
2LT Nguyen Thuy HUNG, 14124VS, Ln 97, ITO 843-70 dtd 30 Mar 70
AC Le Van HUONG, 14122VS, Ln 95, ITO 842-70 dtd 30 Mar 70
2LT Le Huu KHANH, 12490VS, Ln 76, ITO 642-70 dtd 9 Jan 70
WO Nguyen Kim KHOA, 12827VS, Ln 230, ITO 729-70 dtd 2 Feb 70
AC Do Quang KHU, 12639VS, Ln 123, ITO 677-70 dtd 20 Jan 70

AKPWO-ACP-S 2nd Ind 18 September 1970
SUBJECT: Amendment to ITO (Vietnam) (Air Force)

AC Kha Kim LAN, 12839VS, Ln 242, ITO 732-70 dtd 2 Feb 70
AC Tran Van LONG, 14129VS, Ln 102, ITO 844-70 dtd 30 Mar 70
AC Pham MAN, 14127VS, Ln 100, ITO 843-70 dtd 30 Mar 70
AC Tran Hong MINH, 14120VS, Ln 93, ITO 842-70 dtd 30 Mar 70
2LT Dang Hoang MINH 13071VS, Ln 55, ITO 793-70 dtd 5 Mar 70
WO Nguyen Hoang MINH, 12457VS, Ln 43, ITO 633-70 dtd 9 Jan 70
AC Thuong Cong MY, 14106, Ln 79, ITO 838-70 dtd 30 Mar 70
WO Nguyen NAM, 12082VS, Ln 263, ITO 522-69 dtd 9 Dec 69
AC Van Nguyen NGHIEP, 14130VS, Ln 103, ITO 844-70 dtd 30 Mar 70
WO Phung Nhu NGOC, 12064VS, Ln 245, ITO 516-69 dtd 9 Dec 69
AC Tran Thanh NHAM, 12627VS, Ln 111, ITO 674-70 dtd 20 Jan 70
AC Lieu PHU, 14116VS, Ln 89, ITO 841-70 dtd 30 Mar 70
WO Dao Cong PHOI, 13029VS, Ln 37, ITO 784-70 dtd 23 Feb 70
AC Lam QUANG, 14108VS, Ln 81, ITO 839-70 dtd 30 Mar 70
2LT Phan Xuan GUY, 12976, Ln 22, ITO 769-70 dtd 17 Feb 70
AC Le Van SAM, 14135VS, Ln 108, ITO 845-70 dtd 30 Mar 70
WO Kieu Tan SANG, 12793VS, Ln 196, ITO 720-70
AC Chau Trung SANH, 14134VS, Ln 107, ITO 845-70 dtd 30 Mar 70
AC Pham Xuan SINH, 14110VS, Ln 83, ITO 839-70 dtd 30 Mar 70
AC Hoang Thach SON, 12643VS, Ln 127, ITO 678-70 dtd 20 Jan 70
AC Phan Huu TAN, 10685VS, Ln 20, ITO 365-69 dtd 28 Oct 69
AC Hoang Ngoc THACH, 14113VS, Ln 86, ITO 840-70 dtd 30 Mar 70
AC Tran Van THANG, 14104VS, Ln 77, ITO 838-70 dtd 30 Mar 70
AC Nguyen Xuan THIEM, 14125VS, Ln 98, ITO 843-70 dtd 30 Mar 70
WO Nguyen Huu THO, 12618VS, Ln 102, ITO 671-70 dtd 20 Jan 70
WO Nguyen Van TOM, 12673VS, Ln 156, ITO 688-70 dtd 21 Jan 70
1LT Tran Thanh TRI, 12177VS, Ln 193, ITO 552-69 dtd 19 Dec 69
AC Duong Van TROUNG, 141103VS, Ln 76, ITO 837-70 dtd 30 Mar 70
AC Binh TRUNG, 12200VS, Ln 312, ITO 559-69 dtd 22 Dec 69
AC Nguyen Van TY, 14105VS, Ln 78, ITO 838-70 dtd 30 Mar 70
WO Ho Van UT, 12666VS, Ln 150, ITO 685-70 dtd 20 Jan 70
2LT Nguyen Ngoc VINH, 13065VS, Ln 40, ITO 792-70 dtd 5 Mar 70
AC Ha Duc VUONG, 14107VS, Ln 80, ITO 838-70 dtd 30 Mar 70
WO Le Hong XE, 12940VS, Ln 258, ITO 757-70 dtd 16 Feb 70

Copies furnished:

2-DCSOPS, ATTN: OPS-IA-MA, DA, Washington, DC 20310
2-Approp Unified Comd
2-USMACV APO SF 96222
10-Comdt, USAAVNE, Hunter AAF, Savannah, GA 31409
25-Individual
3-MAAG
2-FAO, Ft Wolters, TX
2-ATC, ATTN: ATXMA-O, Randolph AFB, TX 78148
2-HQ ATC, ATTN: TLO-ATXMA-L, Lackland AFB, TX 78236
2-HQ ATC, ATTN: ATAAF-R (Map Funding Reimbursement)
Randolph AFB, TX 78148
3-Commanding General, ATTN: S-1, Hunter AAF, Savannah, GA 31409
3-3rd Army, Ft McPherson, GA 30330
2-Liaison Office, Bldg 405, Ft Wolters, TX
1-Student Personnel Soc File Copy (Mrs Jean Clanton)

AKPWO-AGP-S 2nd Ind

SUBJECT: Amendment to ITO (Vietnam) (Air Force)

HQ USAPHC/S & Ft Wolters, Ft Wolters, TX 76067, 18 Sep 70

SEE DISTRIBUTION

1. Having completed Phase I, Rotary Wing Aviator Course 2C-1981B Class 70-48 ending 25 Sep 70, you are authorized and invited to proceed to Hunter Army Air Field, Savannah, GA on 25 Sep 70, reporting not later than 1200 hrs 26 Sep 70. Travel by Commercial Air is directed. Last paid per diem through 24 Sep 70.
2. The accounting classification on basic Invitational Travel Orders is amended to read, effective 1 Jul 70, 5713400 301 6415 134950 407 408 409 454 462 S525003 CIC 44 164 1349 525003.

FOR THE COMMANDER:

Gene A Kinser
GENE A KINSER

W2, USA

Asst AG

DISTRIBUTION:

AC Dao Ngoc ANH, 141101VS, Ln 74, ITO 837-70 dtd 30 Mar 70
WO Truong Cong BINH, 12348, Ln 31, ITO 604-69 dtd 30 Dec 69
WO Le Ngoc CAM, 12183VS, Ln 295, ITO 554-69 dtd 19 Dec 69
WO Vo Van CO 12468VS, Ln 54, ITO 536-70 dtd 9 Jan 70
AC Nguyen Toan CONG, 14121VS, Ln 94, ITO 842-70 dtd 30 Mar 70
AC Le Viet CU, 12812VS, Ln 215, ITO 725-70 dtd 2 Feb 70
WO Ly Van CU, 12977VS, Ln 23, ITO 769-70 dtd 17 Feb 70
AC Dinh Tien CUONG, 14131VS, Ln 104, ITO 844-70 dtd 30 Mar 70
AC Tran Chinh DAO, 12933VS, Ln 251, ITO 755-70 dtd 16 Feb 70
AC Nguyen Van DUC, 14115VS, Ln 88, ITO 840-70 dtd 30 Mar 70
AC Le Van GIAO, 14126VS, Ln 99, ITO 843-70 dtd 30 Mar 70
AC Lu Van HAI, 13076VS, Ln 60, ITO 794-70 dtd 5 Mar 70
AC Nguyen Huu HIEM, 14117VS, Ln 91, ITO 841-70 dtd 30 Mar 70
WO Nguyen Qui HOA, 12081VS, Ln 262, ITO 521-69 dtd 9 Dec 69
WO Phan Van HOA, 12818VS, Ln 221, ITO 727-70 dtd 2 Feb 70
WO Le HOI, 141102VS, Ln 75, ITO 837-70 dtd 30 Mar 70
AC Le HOI, 12928VS, Ln 246, ITO 753-70 dtd 16 Feb 70
2LT Nguyen Thuy HUNG, 14124VS, Ln 97, ITO 843-70 dtd 30 Mar 70
AC Le Van HUONG, 14122VS, Ln 95, ITO 842-70 dtd 30 Mar 70
2LT Le Huu KHANH, 12490VS, Ln 76, ITO 642-70 dtd 9 Jan 70
WO Nguyen Kim KHOA, 12827VS, Ln 230, ITO 729-70 dtd 2 Feb 70
AC Do Quang KHUAT, 12639VS, Ln 123, ITO 677-70 dtd 20 Jan 70

Chuyển đến _____

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Kể từ đây

Kể từ đây

Chuyển đến _____

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung _____

Nội dung _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an _____

Trưởng công an _____

Nội dung _____

Nội dung _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an _____

Trưởng công an _____

Trang 237 tập 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ : 008958

Họ và tên chủ hộ : Lê Văn

Số nhà : 89A Ngõ (hẻm) : _____

Đường phố Đãoduyt Đôn CAND : 2

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh : _____

Tỉnh, thành phố : Đãoduyt

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Q. Trưởng công an TP.Đ.L.
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Trưởng công an

Thư Trưởng Văn

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Năm Đ.G	Quan hệ với Chủ hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày nhập cảnh đăng ký định trú thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Lê Văn	1947	nam	chủ hộ			1949		
2	Lê Thị Loan	1961	nữ	con		950032651	1961		
3	Lê Thị Khánh	1958	nữ	con			1960	Phước Mỹ 09.04.88	
4	Đỗ Thiến An	1987	nam	cháu			17.11.1987	09.04.88	
5	Đỗ Thiến An	1987	nam	cháu			17.11.1987	09.04.88	
6	Trần Thị Bình	1954	nữ	Chị dâu			03.05.88		
7	Lê Văn Giao	1944	nam	anh			03.05.88		
8	Lê Thị Bảo Lâm	1985	nam	cháu			03.05.88		
9	Lê Bảo Huyền Chi	1989	nữ	cháu			11.11.89		

Trang 237/238

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

DĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ: 008958

Họ và tên chủ hộ:

Lê Văn

Số nhà:

89A

Ngõ (hẻm):

Đường phố:

Đỗ Duy Tân

Đón CAND:

2

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh:

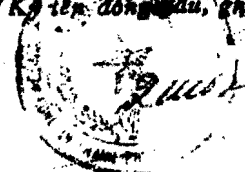
Tỉnh, thành phố:

TP. Hồ Chí Minh

Ngày tháng năm

Q. Trưởng công an TP. Hồ Chí Minh

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Kể từ đây đến nay

Kể từ đây đến nay

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

NGỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Trưởng công an

Trưởng công an

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

Trưởng công an

Trưởng công an

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCV	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Lê Văn	1947	nam	chủ hộ			1949		
2	Lê Thị Loan	1961	nữ	em		250032651	1961		
3	Lê Thị Khánh	1980	nữ	em			1980	Thị trấn 09.04.88	
4	Đỗ Thiệu An	1987	nam	cháu			17.11.1987	09.04.88	
5	Lê Thị Ngọc	1987	nữ	cháu			17.11.1987	09.04.88	
6	Ngô Thị Bình	1959	nữ	chị dâu			03.05.88		
7	Lê Văn Giao	1944	nam	anh			03.05.88		
8	Lê Thị Bảo Lâm	1985	nam	cháu			03.05.88		
9	Lê Bảo Huyền Chi	1989	nữ	cháu			14.11.89		

XÃ : _____
PHƯỜNG : HAI
THÀNH PHỐ : Đalat
TỈNH : Lâm Đồng

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

QB số _____

Ngày.....

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

58 : 1064

Quyển số : 02

[illegible]

Họ và tên	LÊ NGUYỄN BẢO LÂM		Nam, nữ. NAM
Sinh ngày tháng, năm	16 - 5 - 1985 (Mười sáu tháng năm, năm một ngàn chín trăm tám mươi lăm)		
Nơi sinh	II3H Đào Duy Từ Phường 2 thành phố Đà Lạt		
Khai về cha mẹ	C H A		M E
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Văn Giáo 02 - 03 - 1944	Nguyễn Thị Bình 21 - 6 - 1954	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Xã viên Hợp Tác Xã II3H Đào Duy Từ Đà Lạt	Xã viên Hợp Tác Xã II3H Đào Duy Từ Đà Lạt	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Văn Giáo, 02-03-1944, II3H Đào Duy Từ Phường 2 Thành Phố Đà Lạt 250272232		

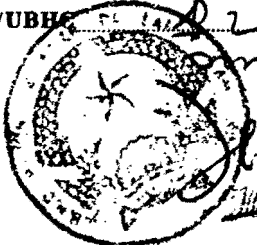
NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 4 tháng 6 năm 1985

Đăng ký ngày 3 tháng 6 năm 1961

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBHC FL 14/12 ký tên đóng dấu

[illegible]

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Số 1646 CRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 130 ngày 11 tháng 12 năm 1981

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh 13 Văn Giỏi

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1944

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Can tội Trung tá quân đội nhân dân

Bắt ngày

Án phạt TTGP

quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 89A Đường Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Cải tạo 100% (GD)

Lấn tay ngón trở phải

Của 13 Văn Giỏi

Danh biên số

Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

13 Văn Giỏi

Ngày 16 tháng 12 năm 1981

Giám thị



ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường 4

Huyện, Quận Đà Lạt

Tỉnh, Thành phố.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Số 843

Quyển 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ-ĐẢO-HUYỀN-CHI Nam hay nữ NỮ

Ngày, tháng, năm sinh 05-10-1989

Nơi sinh ĐÀ LẠT

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn-thị-Bình</u>	<u>LÊ-văn-Giáo</u>
Tuổi	<u>1954</u>	<u>1944</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Xã viên</u>	<u>Thợ mộc</u>
Nơi thường trú	<u>89A Đường Duy Tân Đà Lạt</u>	<u>89A Đường Duy Tân Đà Lạt</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

LÊ-văn-Giáo, 1944, 89A Đường Duy Tân Đà Lạt

Số CMND 250272232

Đăng ký ngày 10 tháng 11 năm 1989

Người đứng khai

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 11 năm 89

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu
ỦY VIÊN THỦ-KÝ



Đặng-mậu-Minh

Đà Lạt , 15 Mar 1990

Kính thưa bà khuê minh Thò

Tôi xin gửi đến bà lời chúc sức khỏe và quý
hội đạt nhiều kết quả trong công việc của mình.

Tôi là 1 sĩ quan không quân VNCH có đi du học
ở Hoa Kỳ 1 năm. Sau 1975 bị tập trung vào trại
cải tạo gần 7 năm. Nay có chính sách của
Hoa Kỳ và phía Việt Nam cho các tù chính trị được
đi định cư ở Hoa Kỳ, tôi đã nộp các thủ tục
gửi tờ cho chính quyền Việt Nam nhưng chưa nộp
hồ sơ cho nơi nào khác. Nhờ các bạn chỉ
dẫn và giới thiệu đến Bà và quý hội, tôi
gửi hồ sơ này theo mẫu của quý hội, kính
xin Bà và quý Hội tận tình giúp đỡ. Tôi ở
địa phương nguồn thông tin và các ủng hộ
khá rất eo hẹp, kính mong Bà thông cảm.
Tôi và gia đình mong nhận được những
tin tốt đẹp.

Tôi xin cảm ơn và kính chào Bà.

Kính thư,



Lê Văn Giáo.

Tỉnh, Thành phố
LÂM ĐỒNG
Quận, Huyện
ĐĂL LẠT
Xã, Phường
4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 001
Số UBND 099

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ NGUYỄN - THI - BÌNH
Sinh ngày 21 - 6 - 1954
Quê quán Quảng - Bình
Nơi đăng ký thường trú 89A Đào Duy Từ
Phường 4 - Đăl Lạt
Nghề nghiệp Xã viên
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 250035114

Họ và tên người chồng LÊ VĂN GIÃO
Sinh ngày 02 - 5 - 1944
Quê quán Quảng - Trị
Nơi đăng ký thường trú 89A Đào Duy Từ
Phường 4 - Đăl Lạt
Nghề nghiệp Làm mộc
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 250272232

Kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 1989

Chữ ký người vợ

Như sau

Chữ ký người chồng

La Giao



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Văn Hải
Trưởng ban

Tỉnh, Thành phố
LÀM ĐƠN
Quận, Huyện
ĐÀ LẠT
Xã, Phường
4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 1
Số 199

UBND PHƯỜNG 4

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ NGUYỄN-THỊ-BÌNH
Sinh ngày 21-6-1954
Quê quán Quảng-Bình
Nơi đăng ký thường trú 89A Đào Duy Từ
phường 4 - Đà Lạt
Nghề nghiệp Xã viên
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 250035114

Họ và tên người chồng LÊ-VĂN-GIÁC
Sinh ngày 02-5-1944
Quê quán Quảng-Trại
Nơi đăng ký thường trú 89A Đào Duy Từ
phường 4 - Đà Lạt
Nghề nghiệp Làm mướn
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 250272232

Kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 1989

Chữ ký người vợ

Nguyễn Thị Bình

Chữ ký người chồng

Le Văn Giác



Phường 4
KI. CHỦ DẠCH
ỦY VIÊN THƯ-KÝ

Lưu Văn
Lưu Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **258349680**

Họ tên **NGUYỄN THỊ BÌNH**

Sinh ngày **21-6-1954**

Nguyên quán

Quảng bình

Nơi thường trú **89^A Đào duy Từ**

Đà Lạt, Lâm đồng



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo thẳng 1C4CM dưới
sau mep phải

Ngày 17...tháng 11 năm 1989

KT/GIÁO ĐOÀN HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



[Handwritten signature]

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **250272232**

Họ tên **LÊ VAN GIÀO**

Sinh ngày **02-3-1944**

Nguyên quán **Gi. inh**

Lệ ninh, Bình trị thiên

Nơi thường trú **113 Đào Duy Từ**

Đà Lạt, Lâm Đồng



Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

**Nốt ruồi C2,8CM dưới
sau đuôi mắt trái**

Ngày **05** tháng **11** năm **1984**

NGƯỜI GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

Phạm Đức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **250272232**

Họ tên **LÊ VĂN GIẢO**

Sinh ngày **02-3-1944**

Nguyên quán **Giã Linh**

Lệ Ninh, Bình Trị Thiên

Nơi thường trú **113 Đào Duy Từ**
Đà Lạt, Lâm Đồng

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

**Nốt ruồi C2,8CM dưới
sau đuôi mắt trái**

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày **09** tháng **11** năm **1984**

KY/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Phạm Đức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **25034-CBQ**

Họ tên **NGUYỄN THỊ BÌNH**



Sinh ngày **21-6-1954**

Nguyên quán

Quảng bình

Nơi thường trú **B9² Đào duy Từ**

Đà Lạt, Lâm đồng

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật giáo

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo thẳng 1C4CM dưới
sau mềp phải

NGÓN TRỎ PHẢI

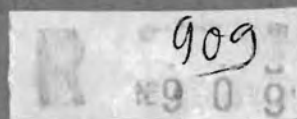
Ngày 17 tháng 11 năm 1989

Thủ trưởng Ty Công an



[Handwritten signature]

FROM: LÊ-VĂN-GIAO-
89A ĐÀO DUY TỬ
Đà Lạt - Lâm-Dũng
VIỆT NAM



MAR 27 1990

TO: MRS. KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435. ARLINGTON

VA 22205-0635

U.S.A

557-19170

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date 5/29/90
____ Membership; Letter